

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về
những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,
nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết 19), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung sau:

I. Mục tiêu

1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo đại học. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng đầy mạnh xã hội hóa, hội nhập quốc tế với lộ trình phù hợp; Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tài chính, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư cho giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

II. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Rà soát hệ thống pháp luật nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

a) Rà soát các thủ tục, điều kiện thành lập, hoạt động đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo.

b) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học hàng đầu quốc tế mở cơ sở đào tạo ở Việt Nam, đặc biệt là các cơ sở hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

c) Mở rộng quyền tự chủ tuyển sinh, tự chủ tài chính, tự chủ về chương trình, nội dung đào tạo và khảo thí cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng dịch vụ giáo dục, đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và đầu ra.

d) Phát triển tiềm lực và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đẩy mạnh công tác rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính nhằm bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục, điều kiện bất hợp lý, không còn cần thiết. Bổ sung, sửa đổi và đơn giản hóa, giảm chi phí tuân thủ đối với các thủ tục, điều kiện còn lại theo hướng khuyến khích và tạo thuận lợi hơn cho tư nhân trong nước, nước ngoài và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ giáo dục, đào tạo.

3. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước:

a) Tập hợp, rà soát và đánh giá tình hình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, có giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả cung cấp trực tuyến các dịch vụ công do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

b) Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục trên phạm vi toàn quốc; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo phục vụ công tác quản lý các cấp.

4. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo:

a) Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương về giáo dục và đào tạo, gắn với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước.

b) Tiếp tục phối hợp triển khai đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020 theo Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thúc đẩy việc hình thành và phát triển hệ thống chuyên đổi tín chỉ giữa Việt Nam với các quốc gia khác; Mở rộng các chương trình trao đổi và dịch chuyển sinh viên quốc tế; Tăng cường ký kết thỏa thuận hợp tác giáo dục song phương/đa phương, và công nhận bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới.

d) Ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ

sở giáo dục ở Việt Nam; khuyến khích, tạo điều kiện cho chuyên gia, giảng viên của Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

III. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu các nội dung của Nghị quyết 19 và Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo (các nhiệm vụ cụ thể được nêu chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này); căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình triển khai các nhiệm vụ có liên quan nêu tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng và một năm báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện (báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 15 tháng 6; báo cáo năm gửi trước ngày 10 tháng 12) về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Kế hoạch - Tài chính).

2. Phân công đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc các nhóm giải pháp nêu tại Phần II của Kế hoạch này như sau:

- Vụ Kế hoạch - Tài chính làm đầu mối đối với nhóm giải pháp nêu tại mục 1;
- Vụ Pháp chế làm đầu mối đối với nhóm giải pháp nêu tại mục 2;
- Cục Công nghệ thông tin làm đầu mối đối với nhóm giải pháp nêu tại mục 3;
- Vụ Hợp tác quốc tế làm đầu mối đối với nhóm giải pháp nêu tại mục 4.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này của các đơn vị; định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ; tổng hợp báo cáo gửi Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh (qua Văn phòng Phát triển bền vững - Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Văn phòng Chính phủ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, các đơn vị kịp thời phản ánh các vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Phát triển bền vững - Bộ KHĐT;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, KHTC (2 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Phạm Mạnh Hùng

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-CP NGÀY 18 THÁNG 3 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 59 /KH-BGDĐT ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|--|---|---------------------|---|-------------------------|---------------------------------|------------------------------|
| <i>I. Rà soát hệ thống pháp luật nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i> | | | | | | |
| 1 | Thông tư về Điều lệ trường cao đẳng | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Giáo dục Đại học | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 2 | Thông tư ban hành chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Giáo dục Đại học | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 3 | Thông tư quy định tiêu chuẩn phân tầng và khung xếp hạng cơ sở giáo dục đại học | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Giáo dục Đại học | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 4 | Thông tư quy định cụ thể điều kiện và thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường cao đẳng | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 5 | Thông tư liên tịch quy định về chính sách khuyến khích đối với cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận | Thông tư | Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|----|--|---------------------|---------------------|----------------------------|---|------------------------------|
| 6 | Nghị định về cơ chế tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp | Nghị định | Chính phủ | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 7 | Nghị định quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo | Nghị định | Chính phủ | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 8 | Nghị định quy định phương thức và tiêu chí phân bổ nguồn Ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học | Nghị định | Chính phủ | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 9 | Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học và Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Giáo dục Đại học | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 10 | Phần mềm quản lý lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài, lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam, các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài | Phần mềm quản lý | Bộ GD&ĐT | Cục Đào tạo với nước ngoài | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 11 | Đề án huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2015 - 2020 | Quyết định | Thủ tướng Chính phủ | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã | 2015 |

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|---|---|---------------------|------------------|--------------------------------------|--|------------------------------|
| | | | | | hội, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Các vụ, cục và đơn vị liên quan thuộc Bộ GD&ĐT | |
| 12 | Đánh giá, đề xuất sửa đổi Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục | Nghị định | Chính phủ | Vụ Hợp tác Quốc tế | Các vụ, cục và đơn vị liên quan thuộc Bộ GD&ĐT, của các Bộ, ngành liên quan. | 2016 |
| 13 | Thông tư hướng dẫn Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 14 | Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2010/TT-BGDĐT ngày 29/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc quản lý đề tài khoa học và công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thông tư | Bộ GD&ĐT | Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| II. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính | | | | | | |
| 15 | Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm, trong đó có nội dung rà soát thủ tục hành chính nhằm phát hiện các thủ tục hành chính chưa hợp lý để kiến nghị sửa đổi bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ để tạo điều kiện thuận lợi nhất, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân | Quyết định | Bộ GD&ĐT | Vụ Pháp chế | Văn phòng Bộ | Hàng năm |

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|---|--|---------------------|------------------|---|---------------------------------|------------------------------|
| 16 | Kiểm tra và đơn đốc việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo công khai, minh bạch | | | Vụ Pháp chế | Văn phòng Bộ | Thường xuyên |
| III. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước | | | | | | |
| 17 | Công bố danh mục đề tài nghiên cứu khoa học trên website Bộ Giáo dục và Đào tạo | | Bộ GD&ĐT | Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường | Văn phòng Bộ | Hàng năm |
| 18 | Công bố danh mục các chương trình, đề án, dự án thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, chỉ tiêu tuyển sinh, các số liệu thống kê và các thông báo mời thầu trên website Bộ Giáo dục và Đào tạo | | Bộ GD&ĐT | Vụ KHTC; Cục CSVC | Văn phòng Bộ | Hàng năm |
| 19 | Thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4 (Đăng ký, thông báo và nhận kết quả trực tiếp, trực tuyến qua mạng Internet); Rà soát và đánh giá tình hình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý | | Bộ GD&ĐT | Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin | | Thường xuyên |
| 20 | Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo | Quyết định | Chính phủ | Cục Công nghệ thông tin | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |
| 21 | Đề án xây dựng mạng thông tin về đào tạo và cung - cầu nhân lực trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp | Quyết định | Bộ GD&ĐT | Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực | Các vụ, cục và đơn vị liên quan | 2015 |

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|---|--|-------------------------------|------------------|--|---|------------------------------|
| <i>IV. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo</i> | | | | | | |
| 22 | Đề án mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Quyết định | Bộ GD&ĐT | Vụ Hợp tác quốc tế | Cục Đào tạo với nước ngoài và các đơn vị liên quan | 2015 |
| 23 | Đàm phán, ký kết các hiệp định, thỏa thuận hợp tác giáo dục song phương/đa phương và các hiệp định về công nhận lẫn nhau về văn bằng, tín chỉ giữa Việt Nam với các quốc gia khác; giữa các cơ sở giáo dục đại học và dạy nghề của Việt Nam với nước ngoài | Hiệp định, thỏa thuận hợp tác | | Vụ Hợp tác quốc tế | Các vụ, cục và đơn vị liên quan của Bộ GD&ĐT, các Bộ, ngành liên quan và các cơ sở giáo dục đào tạo | 2015-2020 |
| 24 | Ký kết các chương trình hợp tác với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam như: Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Đài Loan...trong việc hỗ trợ các nhà trường và học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo, sử dụng nhân lực,.... | | | | Các vụ, cục và đơn vị liên quan của Bộ GD&ĐT, các Bộ, ngành liên quan. | 2015-2020 |
| 25 | Khung trình độ quốc gia và áp dụng Khung tham chiếu trình độ ASEAN nhằm tạo điều kiện công nhận lẫn nhau về kỹ năng và trình độ trong ASEAN | | | Vụ Giáo dục Đại học và Vụ Giáo dục chuyên nghiệp | Các vụ, cục và đơn vị liên quan của Bộ GD&ĐT, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan | 2015-2016 |

| TT | Nhiệm vụ | Sản phẩm hoàn thành | Cơ quan ban hành | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian dự kiến hoàn thành |
|----|--|---------------------|------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------|
| 26 | Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ giáo viên các cấp, đặc biệt là giáo viên tiếng Anh và giáo viên giảng dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh, hướng tới trao đổi giáo viên các cấp trong ASEAN | | | Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 | Các đơn vị có liên quan | 2015-2020 |

✓